

# ĐỒNG SĨ NGUYỄN - VỊ TƯỚNG TÀI NĂNG, MỘT CHÍNH TRỊ GIA XUẤT SẮC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM CẬN - HIỆN ĐẠI

**ThS. LÊ TRỌNG ĐẠI**  
Trường Đại học Quảng Bình

**Đ**ồng Sĩ Nguyễn tên khai sinh lúc đầu là Nguyễn Hữu Vũ. Ông sinh ngày 1 tháng 3 năm 1923, tại Trung Thôn, tổng Thuận Thị, phủ Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (nay là thôn Trung, xã Quảng Trung, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình), trong một gia đình nhiều đời là nông dân. Thân sinh ông là Nguyễn Hữu Khoán. Khi Nguyễn Hữu Vũ mới tròn mười tuổi thì cha đã qua đời. Thân mẫu ông là cố bà Đặng Thị Cáp. Mẹ ông cũng là một cán bộ lão thành cách mạng. Trung thôn quê ông “là một rẻo đất hẹp nằm ven bờ sông Gianh, tựa lưng vào dãy núi Giăng Màn - một trong những đỉnh núi cao của dãy Trường Sơn hùng vĩ”<sup>[1]</sup>. Ông bà Nguyễn Hữu Khoán và Đặng Thị Cáp sinh được bảy người con (năm trai, hai gái) mà Nguyễn Hữu Vũ là con thứ năm trong gia đình. Sinh ra và lớn lên trong một gia đình giàu truyền thống yêu nước, bất khuất; ông nội là cụ Nguyễn Trọng Thố - một sĩ phu từng tham gia tích cực phong trào Cần Vương chống Pháp cuối thế kỉ XIX. Ông ngoại của Nguyễn Hữu Vũ cũng là một nghĩa binh của phong trào Cần Vương Quảng Bình. Bà ngoại là Trần Thị Nhiều - con gái Lãnh binh Cần Vương Trần Văn Kỳ quê ở Lệ Sơn (xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình). Lãnh binh Trần Văn Kỳ (Lãnh Trần), là một trong những vị chỉ huy tài ba trong lực lượng Cần Vương của Đề đốc Lê Trực ở Tuyên Hóa.

Cha mất sớm, lớn lên trong cảnh nước mất, nhân dân lầm than nô lệ nhưng Đồng Sĩ Nguyễn vẫn được mẹ và các chị gái dốc lòng nuôi dạy, chăm sóc. Thuở nhỏ, ông được cha mẹ cho đi học chữ Hán với thầy đồ trong làng, nhưng Nho học



Ảnh: T.L

Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng Tư lệnh Binh đoàn Trường Sơn  
Đồng Sĩ Nguyễn đến thăm bộ đội Trường Sơn

lúc bấy giờ đã trở nên lỗi thời nên chỉ học vài năm ông chuyển sang học Quốc ngữ tại Trường Tiểu học Thọ Linh. Khi khả năng tài chính của gia đình không thể nuôi đủ cho cả năm anh em cùng ăn học lên bậc trung học thì hai anh trai là Nguyễn Hữu Thanh, Nguyễn Hữu Lượng và hai em trai là Nguyễn Hữu Anh và Nguyễn Hữu Ảnh đều phải nghỉ học đi làm để phụ giúp mẹ chu cấp cho ông ăn học. Là người thông minh nên Nguyễn Hữu Vũ trở thành niềm hy vọng và được cả nhà ưu ái dồn sức lao động để trang trải cho ông tiếp tục học tập.

### Những năm đầu hoạt động cách mạng

Là người mang trong mình truyền thống yêu nước sâu sắc của hai gia đình nội ngoại nên bà Đặng Thị Cáp vẫn thường kể cho các con nghe những mẫu chuyện về các cụ theo nghĩa Cần Vương chống Pháp. Chính điều này đã sớm hình thành ở cậu bé Nguyễn Hữu Vũ tinh thần yêu nước, lòng căm ghét chế độ thực dân phong kiến. Ngay từ tuổi thiếu niên, cậu bé Nguyễn Hữu Vũ

đã sớm bộc lộ sự căm ghét đối với bọn Tây đoan khi chúng vào làng hay đến chợ Sải (ở Trung Thôn) đánh đập, lũng bắt người Việt nấu rượu và bán rượu. Thái độ đó của Vũ đã được anh Tế (tức Nguyễn Văn Huyền) một đảng viên cộng sản đến chợ Sải ngụy trang thành thợ may để hoạt động cách mạng phát hiện. Anh Tế đã tiếp cận và từng bước giáo dục Nguyễn Hữu Vũ đi vào con đường cách mạng. Năm 1937, Nguyễn Hữu Vũ bắt đầu tham gia hoạt động cách mạng với bí danh là Nguyễn Văn Đồng. Qua nhiều thử thách, kềm cặp, bồi dưỡng với gần 2 năm tích cực hoạt động, Nguyễn Văn Đồng đã được anh Tế giới thiệu và kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương khi mới 15 tuổi. Năm 1940, Nguyễn Văn Đồng được cử làm Bí thư Chi bộ thôn Trung (bí danh là Chi bộ Bình) - một trong số những chi bộ đảng đầu tiên của phủ Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Năm 1942, do sự phát triển lớn mạnh của các cơ sở đảng tại Quảng Trạch, Xứ ủy Trung Kỳ đã ra quyết định thành lập Phủ ủy Quảng Trạch và ông được cử làm Phó Bí thư Phủ ủy kiêm Chủ nhiệm báo Hồng Lạc. Phủ ủy Quảng Trạch là tiền thân của Huyện ủy huyện Quảng Trạch và Thị ủy thị xã Ba Đồn hiện nay. Cùng thời gian này (từ 1940) ông vào học trường Thành Chung (trường Trung học) ở Đồng Hới và tiếp tục tham gia hoạt động cách mạng tại nhiều địa phương trong tỉnh. Ngoài địa bàn Quảng Trạch ông còn được phân công tham gia hoạt động tại Lệ Thủy, Quảng Ninh, Đồng Hới, Bố Trạch, Tuyên Hóa và làm Bí thư Chi bộ trường Thành Chung Đồng Hới. Mùa thu năm 1943, khi một số tổ chức cơ sở Đảng ở Quảng Trị và Quảng Bình trong đó có Phủ ủy Quảng Trạch bị mật thám Pháp phát hiện, ông đã cùng phần lớn các đồng chí trong Phủ ủy thoát ly sang Lào và Thái Lan hoạt động bí mật trong phong trào Việt kiều. Cuối năm 1944 đầu năm 1945, tình hình thế giới và trong nước có những biến chuyển rất quan trọng, ông cùng các đồng chí lập tức về nước. Từ tháng 2 năm 1945, ông đã cùng Phủ ủy Quảng Trạch bắt tay vào công tác chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền ở Quảng Trạch. Tại Hội nghị Việt Minh tỉnh họp ở chùa

An Xá (đầu tháng 7 năm 1945), ông được bầu làm Chủ nhiệm Việt Minh tỉnh Quảng Bình. Trong những ngày tháng 7, tháng 8, ông lao vào công tác chuẩn bị và lãnh đạo khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh lỵ Quảng Bình. Tháng 10 năm 1945, tại Hội nghị Đại biểu Đảng bộ tỉnh ông được bầu vào Ban Chấp hành lâm thời Tỉnh ủy Quảng Bình. Tháng 1 năm 1946, Nguyễn Văn Đồng được bầu làm đại biểu Quốc hội khóa I của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tháng 6 năm 1946, ông được cử tham dự khóa đào tạo lý luận chính trị đầu tiên tại trường Nguyễn Ái Quốc.

### **Tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)**

Tháng 11 năm 1946, ông được Tỉnh ủy điều động về làm Bí thư Huyện ủy Quảng Trạch, trực tiếp củng cố tổ chức Đảng và lãnh đạo huyện nhà chuẩn bị kháng chiến. Để chủ động chống Pháp trở lại xâm lược tại Quảng Trạch, ông đã nghiên cứu và xây dựng chiến khu Trung Thuần làm căn cứ địa cho các cơ quan và lãnh đạo huyện Quảng Trạch hoạt động trong thời kỳ kháng chiến.

Khi thực dân Pháp mở rộng xâm lược ra cả nước, với cương vị Bí thư Huyện ủy kiêm Huyện đội trưởng, ông trực tiếp chỉ huy bộ đội và dân quân ở Quảng Trạch tiến hành chiến tranh du kích đánh thắng nhiều trận càn của Pháp vào chiến khu Trung Thuần. Thời gian này ông bắt đầu lấy tên là Đồng Sĩ Nguyên. Tháng 11 năm 1947, ông được Tỉnh ủy điều về làm Chính trị viên Tỉnh đội. Trên cương vị chỉ huy cao nhất về chính trị của Tỉnh đội ông thường xuyên về cơ sở nghiên cứu tình hình. Ông chú ý tìm hiểu kinh nghiệm của các làng chiến đấu (Cự Nẫm, Cảnh Dương...) tiêu biểu trong tỉnh. Qua tổng kết kinh nghiệm phân tích thành công và hạn chế của hoạt động du kích ở địa phương ông đã có phát hiện mới về chiến tranh du kích. Ông rút ra kết luận: “Để chiến thắng kẻ thù bằng chiến tranh du kích thì chúng ta phải chuyển chiến tranh du kích từ các làng chiến đấu đơn lẻ sang kết hợp các làng lại hình thành nên tập đoàn làng chiến đấu liên hoàn”. Sau này khi học tập thêm về lý luận quân sự ở trường Quân sự trung - cao cấp ở Việt Bắc và Học viện Quân sự cao cấp ở Bắc Kinh, ông đã

phát triển những kinh nghiệm này thành lý luận. Tại Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Bình lần thứ hai, ông được bầu lại làm Tỉnh ủy viên và tiếp tục giữ chức Chính trị viên Tỉnh đội. Ngay sau đó không lâu ông được tỉnh quyết định kiêm chức Tỉnh đội trưởng. Tháng 12 năm 1949, ông được Bộ Tư lệnh Quân khu IV cử lên Việt Bắc tham dự khóa huấn luyện cán bộ quân sự trung cao cấp. Sau khi tốt nghiệp khóa huấn luyện vào cuối tháng 9 năm 1950, ông được Bộ Quốc phòng điều động về làm Cục phó Cục Tổ chức cán bộ trực thuộc Tổng cục Chính trị. Trên cương vị mới ông được Tổng cục cử làm Phó viên của Bộ phụ trách công tác tổ chức cán bộ cho các chiến dịch lớn của quân đội. Từ sau chiến dịch Biên Giới năm 1950 đến kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp ông lần lượt tham gia các chiến dịch Trần Hưng Đạo, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Hòa Bình. Trong chiến cuộc Đông Xuân 1953 - 1954, ông tham gia chiến dịch Trung - Hạ Lào, chiến dịch Điện Biên Phủ với tư cách là phó viên phụ trách công tác tổ chức cán bộ.

### **Tham gia kháng chiến chống Mĩ và trở thành vị tướng huyền thoại**

Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, với tư cách là Cục phó Cục Tổ chức cán bộ, ông được Bộ Tổng tư lệnh chỉ định làm Trưởng ban trao trả tù binh. Năm 1957, ông được đề bạt lên cấp Đại đoàn trưởng và sang làm Cục phó Cục Động viên dân quân. Năm 1958, ông được thăng chức Cục trưởng Cục Động viên dân quân và phong quân hàm đại tá. Từ năm 1961 đến năm 1963, ông được cử sang Học viện Quân sự cao cấp Trung Quốc tham dự khóa đào tạo cán bộ cấp chiến lược, chiến dịch. Đây là thời gian ông được đào tạo về lý luận quân sự một cách bài bản. Sau khi tốt nghiệp về nước ông tiếp tục giữ chức Cục trưởng Cục Động viên dân quân. Năm 1964, ông được cử giữ chức Tổng Tham mưu phó Quân đội nhân dân Việt Nam. Năm 1965, khi chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” phá sản, Mĩ triển khai chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và tiến hành cuộc “Chiến tranh phá hoại” đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân. Ngoài âm mưu uy hiếp tinh thần kháng chiến của nhân dân cả nước

ta, đế quốc Mĩ còn dùng chiến tranh phá hoại để ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho chiến trường miền Nam. Từ đó đến năm 1975 là khoảng thời gian thử thách vô cùng ác liệt của dân tộc Việt Nam và Đồng Sĩ Nguyên. Thời gian này Đồng Sĩ Nguyên thực sự trở thành một vị tướng tài ba của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Qua thử thách nghiệt ngã của thời kỳ chống Mĩ, Đồng Sĩ Nguyên đã thể hiện rõ phẩm chất cao đẹp hiếm có của người chiến sĩ cộng sản cũng là một vị tướng cách mạng - một anh bộ đội Cụ Hồ. Đồng Sĩ Nguyên thực sự là vị tướng dũng cảm, dám nghĩ dám làm, sẵn sàng đối mặt với mọi khó khăn, nguy hiểm. Là người thông minh, có tư duy khoa học nên với mọi khó khăn gặp phải ông đều nhanh chóng tìm ra được những giải pháp đặc sắc, sáng tạo để giải quyết. Hễ ở đâu khó khăn, ách tắc, có ông tới là có phương án khắc phục hiệu quả ngay. Năm 1965, ông được cử làm Chính ủy Quân khu IV. Vừa nhận chức, ông lập tức trực tiếp đi thị sát cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại ở khu vực tuyến đầu và phát hiện ra những hạn chế của ta để nhanh chóng khắc phục. Đó là việc quân và dân ở Quân khu IV đang chống chiến tranh phá hoại bằng hình thức bị động, phòng tránh là chính. Lực lượng phòng không của ta đánh giặc chưa hiệu quả, chưa bảo vệ được các mục tiêu mà địch tập trung đánh phá. Việc phòng thủ trên đất liền và bờ biển cũng còn nhiều sơ hở. Qua phân tích, tổng hợp tình hình ông đã khái quát lên các vấn đề cơ bản sau:

1. Thực chất hoạt động đánh phá của không quân và hải quân Mĩ, phải thấy rằng sự tàn phá của bom đạn kẻ thù là rất lớn, đặc biệt đối với hệ thống giao thông đường sá, cầu cống, nhà máy, kho tàng, doanh trại, trận địa phòng không... Đó là chỗ mạnh cụ thể của kẻ địch, mặt khác ta cũng phải thấy mặt yếu cơ bản của không quân, hải quân địch là đến nhanh, đi nhanh, không thể khống chế mọi hoạt động của ta 24/24 giờ trong ngày. Địch đánh nơi này sẽ bỏ lỏng nơi khác, đánh ban ngày nhiều, đêm sẽ ít và ngược lại.

Người làm chủ mặt đất là quân dân ta. Chúng ta phải làm chủ bản làng,... đường sá để chiến đấu

và phục vụ chiến đấu, phải chủ động, địch đến là đánh, địch đi là sản xuất, khôi phục giao thông, duy trì mọi hoạt động bình thường. Cảnh giác chủ động sẵn sàng đối phó nếu địch tập kích, biệt kích bằng bộ binh vào Nam Quân khu.

2. Chủ động công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng trong lực lượng vũ trang và trong nhân dân làm rõ chỗ mạnh chỗ yếu của địch, của ta, chủ động đánh địch, chủ động phòng tránh là tư tưởng chỉ đạo với lực lượng vũ trang và cả toàn dân, giữ vững sản xuất, sinh hoạt, quốc phòng, an ninh, đảm bảo mạch máu giao thông thông suốt.

3. Lực lượng vũ trang ba thứ quân, nòng cốt là phòng không, pháo bờ biển phải xây dựng trận địa vững chắc, có trận địa chính, có trận địa dự bị ở các trọng điểm, có trận địa cấu trúc sẵn ở nơi dự kiến cơ động phục kích, có trận địa giả nghi binh thực hiện linh hoạt phương châm tác chiến cơ động phục kích, ứng xử kịp thời những thay đổi của đối phương. Ở bất cứ trận địa nào cũng sử dụng được; bộ đội và dân quân, tự vệ, tạo thành nhiều tầng, nhiều vòng hỏa lực...

4. Chủ động đánh, chủ động phòng tránh là hai mặt của một vấn đề, cả bộ đội và nhân dân cùng thực hiện...

5. Phải đảm bảo mạch máu giao thông, tuyến chi viện chiến lược Bắc - Nam đường Trường Sơn qua địa bàn... đặc biệt ở các trọng điểm, bến vượt sông, các tuyến đèo đạo, đường qua địa bàn trống phải tổ chức lực lượng tổng hợp gồm công binh, giao thông, thanh niên xung phong, dân quân tự vệ và nhân dân tại chỗ để thường trực khắc phục kịp thời hậu quả đánh phá của địch, giải quyết ách tắc, thông đường kịp thời<sup>[2]</sup>.

Những tổng kết phân tích và giải pháp của ông kể trên đã mang lại hiệu quả quan trọng cho quân và dân Quân khu IV trong suốt thời kỳ chống chiến tranh phá hoại từ đó về sau. Đồng thời đó cũng là một phần kinh nghiệm để Đồng Sĩ Nguyên kế thừa phát triển khi ông đảm nhận nhiệm vụ mới sau này. Đó là các giải pháp xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân với ý thức ta phải thực sự làm chủ mặt đất tạo nên lưới lửa phòng không nhiều tầng chống trả chiến tranh phá hoại địch. Với lực lượng pháo binh phòng thủ bờ biển

đánh tàu chiến địch, ông đã đưa ra sáng kiến bố trí trận địa pháo đất đối hải táo bạo. Qua thực tế thị sát các trận địa pháo bờ biển ông đề xuất với Bộ Tư lệnh Quân khu “chọn 5 vị trí đặt pháo là các mỏm núi nhô ra biển rải đều từ Nghệ vào đến Vĩnh Linh, với những cự ly thích hợp” để khi phát hỏa sẽ tạo thành lưới lửa đan chéo nhau theo nguyên tắc “hỏa khí phân tán hỏa lực tập trung”, kết hợp lưới lửa của dân quân ven bờ đánh địch, nếu chúng liều lĩnh tiếp cận đất liền<sup>[3]</sup>.

Cuối tháng 6 năm 1965, ông được điều động sang làm Chính ủy mặt trận Trung - Hạ Lào. Ông đã chỉ huy bộ đội tình nguyện Việt Nam phối hợp với bộ đội Lào đánh thắng nhiều trận, giải cứu được một tiểu đoàn của ta bị địch vây trong hang đá.

Tháng 11 năm 1965, ông bị thương trên đường hành quân ở Lào và được đưa về nước điều trị suốt 5 tháng. Tháng 5 năm 1966, vừa ra viện ông lập tức đề đạt lên cấp trên cho vào chiến trường chiến đấu và được điều động vào làm Chính ủy Đoàn 559.

Tháng 7 năm 1966, ông lại được điều về làm Tổng cục phó Tổng cục Hậu cần, trực tiếp làm Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần Tiền phương. Tổng cục Hậu cần Tiền phương do ông phụ trách có nhiệm vụ đảm bảo việc vận tải chi viện cho chiến trường đoạn từ phía nam sông Lam (Hà Tĩnh) đến Vĩnh Linh (Quảng Trị) để chuyển giao cho Đoàn 559.

Trước khi Đồng Sĩ Nguyên đến, đơn vị này chỉ vận chuyển được 20% kế hoạch trong khi nhu cầu chi viện của chiến trường miền Nam ngày càng lớn và hết sức cấp thiết. Vừa nhận nhiệm vụ ông lập tức xuống ngay cơ sở nghiên cứu tình hình và nhanh chóng phát hiện mấu chốt của vấn đề đang ách tắc ở đơn vị này. Qua tìm hiểu quan sát, ông rút ra kết luận: “Vì các lực lượng quân và dân ta thực hiện nhiệm vụ mà lại nặng tư tưởng tránh địch đánh phá nên các đội vận tải, các binh trạm giao liên, các đội thanh niên xung phong đều bị động phòng tránh”. Tình hình cụ thể là các đơn vị xe vận tải, các bến phà chỉ chạy vào ban đêm, do đó tốc độ vận chuyển chậm, khối lượng thấp mà vẫn không thoát khỏi bị địch phát hiện và đánh phá. Các đơn vị thanh niên xung phong,

công binh phụ trách mặt đường thì chọn địa điểm ẩn nấp cách xa các trọng điểm địch đánh phá nên sau khi địch ngừng đánh mà vận động ra mặt đường thì phải mất nhiều thời gian, vì thế nên thời gian tắc đường kéo dài thêm. Mặt khác, các vị trí nguy trang cho xe pháo chờ đợi, trú tránh khi địch đánh phá lại cách khá xa các trọng điểm (cầu, phà); xe vận tải thì đi rải rác giữ cự ly xa nhau nên tần suất xe chạy trên mỗi đoạn đường đều thấp. Trong khi đó các đơn vị phòng không chiến đấu chống máy bay thì đặt trận địa xa các trọng điểm địch đánh phá; công sự cũng xây dựng xa nơi bố trí trận địa do đó pháo phòng không chưa làm tròn chức năng đánh chặn máy bay địch để phối hợp bảo vệ xe, cầu, phà ở các trọng điểm địch thường xuyên đánh phá. Qua trực tiếp nghiên cứu, ông đã tổng hợp tình hình, phân tích một cách khoa học và nhanh chóng tìm ra các giải pháp vô cùng hiệu quả và sáng tạo.

Qua các cuộc khảo sát thực tế cho thấy, Đồng Sĩ Nguyên là một vị tư lệnh dũng cảm, luôn luôn xông pha vào nơi lửa đạn. Khi đi ngang các trọng điểm địch đánh phá ông không chút ngần ngại, mà dừng lại theo dõi nghiên cứu kỹ càng để đúc kết quy luật đánh phá của địch nhằm tìm giải pháp đối phó thật hữu hiệu. Vừa khảo sát thực địa dài ngày ngay sau khi nhận chức Tư lệnh Tổng cục Hậu cần Tiền phương về, ông lập tức đến thẳng Bộ Tư lệnh Quân khu IV và đề nghị Quân khu: “Chỉ thị cho các đơn vị pháo phòng không bố trí trận địa ngay tại trọng điểm để đánh máy bay địch. Quân khu nên tăng cường thêm hỏa lực phòng không ở các trọng điểm. Quân khu rút một lực lượng công binh để tăng cường cho các trọng điểm vượt sông. Chỉ thị cho các tỉnh đội tăng cường lực lượng tự vệ phối hợp cùng công nhân giao thông, thanh niên xung phong, khai thác đá tại chỗ, chuẩn bị cho chiến dịch đá hóa mặt đường”<sup>[4]</sup>.

Tại Hội nghị Quân chính của Tổng cục Hậu cần Tiền phương tháng 8 năm 1966, ông đã trình bày bản báo cáo tổng hợp tình hình và đề xuất các giải pháp giải quyết rất khoa học được các đại biểu hết sức phấn khởi và tin tưởng. Ông vạch rõ nhiệm vụ của Tổng cục là:

- Tổ chức vận chuyển tạo chân hàng và tổ chức hành quân giao liên chuyển giao cho Bộ Tư lệnh 559.

- Vận chuyển hàng hóa và tổ chức hành quân giao liên giao cho Quảng Trị.

- Phối hợp với các tỉnh và Quân khu IV, bảo đảm giao thông, đánh địch trên không, trên biển, bảo đảm vận chuyển”<sup>[5]</sup>.

Về quy luật đánh phá của địch ông chỉ rõ: “Trên toàn tuyến có ba đường chính với chiều dài gần 300km, tiềm lực của địch rất lớn nhưng chúng cũng chỉ có thể đánh trong cùng một lúc từ 2 đến 3 điểm, không thể đánh được tất cả các trọng điểm. Trong một ngày đêm, địch có thể đánh kéo dài nhiều giờ, nhưng không thể đánh 24/24 giờ. Địch đánh rất những ngày nắng ráo, những ngày mưa không đánh được, đánh ban đêm cũng hạn chế, cho dù có pháo sáng kể cả pháo hạm từ biển Đông bắn vào cũng không chệch ra ngoài quy luật đó. Như vậy, lúc đánh lúc không, nơi đánh nơi không, nơi đánh nhiều nơi đánh ít... là quy luật đánh phá của địch. Cái mạnh của địch là chủ động, cơ động trên không, vũ khí khí tài hiện đại, nhưng cái yếu cơ bản nhất là chúng không làm chủ được mặt đất. Trái lại, cái mạnh của ta là làm chủ mặt đất, chủ động tìm biện pháp, sử dụng quy luật hoạt động của địch để chống lại chúng có hiệu quả. Tư tưởng chỉ đạo của ta trong cuộc đối đầu với kẻ thù là: chủ động tiến công, chủ động phòng tránh, không phòng tránh đơn thuần, không cam chịu may rủi. Để thắng được địch trong cuộc đối đầu này, chúng ta phải giải quyết một số vấn đề:

- Lực lượng làm công tác giao thông phải có đủ công sự, đảm bảo cự ly thích hợp, có công sự cứu thương, công sự cho xe máy, công sự cho phà, cho bộ đội hành quân dọc đường, nơi trú quân, tác nghiệp bảo đảm giao thông...

- Phải tích cực nguy trang những mục tiêu nhưng phải phù hợp với thực tế của địa hình và vật cần nguy trang.

- Phải liên tục nghi binh lừa địch, nghi binh đúng như thật để thu hút địch.

- Với lực lượng đảm bảo giao thông, phải có bộ phận cơ động, có bộ phận mạnh được chuẩn bị

chu đáo công sự để chốt ở các trọng điểm, để sau khi địch đánh phá là rời công sự tác nghiệp ngay; đồng thời chủ động tập kết vật liệu gần trọng điểm để khắc phục hậu quả đánh phá của địch... những điểm đường vượt vùng trũng, sinh lầy bị địch đánh phá, cho sửa chữa lại làm tuyến nghi binh. Cần làm đường vòng tránh men theo chân đồi, hay nơi đất cứng.

- Đường qua suối cần có hai đến ba bên ngầm có chất lượng, cự ly thích hợp. Ngầm nào đã lộ, chuyển thành mục tiêu nghi binh.

- Điểm vượt sông phải có từ hai đến ba bến phà, có bến nghi binh. Sông nhỏ dùng tre gỗ làm cầu phao đêm đêm bắc để xe pháo qua sông; ban ngày tháo cất; có cầu phao chính, cầu phao nghi binh.

- Mùa mưa đến, ban ngày mây mù dày đặc, trần mây thấp máy bay địch khó hoạt động là thiên thời cho phép ta hoạt động ban ngày, tổ chức vận chuyển đội hình tập trung thích hợp (đây là phát hiện tuyệt vời của ông để giải quyết khó khăn). Tuy nhiên, đến mùa mưa những đoạn đường đất xe thường sa lầy khiến đường tắc thường xuyên. Trước khó khăn này ông đã tìm ra giải pháp “đá hóa mặt đường” ở những đoạn, tuyến chưa rải đá. Trên toàn bộ khu vực Tổng cục quản lý, những đoạn đường chưa rải đá còn tới 130km lập tức được ông chỉ đạo rải đá. Để tiến hành chiến dịch đá hóa mặt đường, ông đã thể hiện sự sáng tạo là dựa vào nhân dân: “lấy lực lượng giao thông làm nòng cốt và huy động dân quân, nhân dân tại chỗ khai thác nguồn đá vôi vô tận hai bên đường (địa lợi) để rải. Công nhân giao thông được chia ra về từng xã, sử dụng thuốc nổ đánh đá học; nhân dân phân tán theo tuyến đường có công sự để đập đá 4 x 6 bằng thủ công;... Lực lượng giao thông cùng một bộ phận dân quân đảm trách rải đá đủ mặt đường. Lực lượng công binh tập tung giải quyết các bến phà vượt sông, suối với vật liệu khai thác huy động tại chỗ là chính. Quân khu và Bộ Giao thông Vận tải hỗ trợ một số cầu phao... Về đánh địch, trên không, pháo hạm bờ biển, ông chủ trương kết hợp ba thứ quân, điều chỉnh thể trận tập trung đánh địch ở các trọng điểm bảo vệ cầu, đường, bảo vệ đội hình xe vận tải; kết hợp cơ động đánh địch khi cần.

Về vận chuyển, bộ đội xe phải quân sự hóa; tổ chức vận chuyển đội hình lớn hay nhỏ tùy tình hình, nhưng dù quy mô nào cũng phải theo đội hình chiến đấu. Xe phải nguy trang, có vật liệu chống cháy, chống bom bi... Bộ đội tranh thủ nghỉ ngủ ban ngày, nhưng cũng dành thời gian chuẩn bị kỹ thuật... Tại các trọng điểm đánh phá của địch phải có trạm chỉ huy xe hành quân; có công sự nguy trang cho xe, cho người tiếp cận, bảo đảm cầu đường luôn sẵn sàng cho xe vượt trọng điểm nhanh, cấp tập.

Các lực lượng bảo đảm chiến đấu, thông tin, kích kéo, sửa chữa, kỹ thuật, cứu hàng hóa... phải thường trực tại mặt đường, xử lý kịp các tình huống nảy sinh...<sup>[6]</sup>.

Chiến dịch đá hóa mặt đường diễn ra từ ngày 1 tháng 9 đến cuối tháng 11 cơ bản hoàn thành đúng vào mùa mưa; ở Hà Tĩnh, Quảng Bình sương mù dày đặc, máy bay địch khó hoạt động và nếu hoạt động cũng không thể phát hiện được xe đang chạy. Năm chắc thiên thời đó ông đã đưa ra quyết định táo bạo mà đúng đắn là cho xe vận tải chạy ban ngày, chạy theo đội hình. Kết quả thật tuyệt vời, kế hoạch vận chuyển tháng 11 tăng vọt lên vượt 180%, bằng cả mười tháng trước gộp lại.

Trước thành tích vượt bậc của Tổng cục Hậu cần Tiền phương, tháng 12 năm 1966, Quân ủy Trung ương đã tin tưởng cử ông kiêm luôn chức Tư lệnh Đoàn 559. Tiếp nhận thêm chức Tư lệnh Đoàn 559, sau khi nghe báo cáo tổng hợp của cán bộ ở Bộ Tư lệnh, với quan điểm thực tiễn là thước đo của chân lý, nên ông vừa tới đơn vị mới nhận nhiệm vụ là lập tức dành thời gian để đi khảo sát thực địa. Sau mấy ngày thực địa, qua những gì quan sát, tìm hiểu ông đã giành nhiều trí lực để suy ngẫm, phân tích kỹ lưỡng tình hình tìm giải pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của Đoàn 559. Vấn đề khiến ông phải lao tâm khổ trí trước hết là tư tưởng chỉ đạo tác chiến, tổ chức chiến đấu binh chủng hợp thành thực hiện nhiệm vụ chi viện chiến lược. Theo Đồng Sĩ Nguyên “Vấn đề quan trọng hàng đầu là: Trong lúc đế quốc Mỹ đã tiến hành chiến lược chiến tranh ngăn chặn hoạt động chi viện của ta, chúng huy động

cả hải - lục - không quân, đánh phá với cường độ ngày càng dữ dội trên một không gian rộng, thời gian kéo dài liên tục; tại sao những người làm nhiệm vụ chi viện chiến trường lại hiểu vấn đề quá hẹp, quá cũ, quá giản đơn? Dẫn đến đánh giá địch - ta, xác định vị thế chiến trường, tư tưởng chỉ đạo, tổ chức lực lượng, phương thức hoạt động tác chiến dưới tầm thực tế khách quan. Ngay cả tên và vị trí của tuyến chi viện chiến lược cũng hiểu sai. Trong một thời gian dài, khi tuyến chi viện đã phát triển lên thành quy mô lớn cả hai hành lang Đông và Tây Trường Sơn, mà người ta vẫn gọi là đường dây 559, xem tuyến chi viện chiến lược 559 thuần túy chỉ là đường dây giao liên, vận tải hậu cần riêng rẽ”<sup>[7]</sup>.

Qua việc phân tích thực tế ông tập trung tìm kiếm giải pháp xây dựng, nâng Đoàn 559 lên đúng với yêu cầu nhiệm vụ và vai trò mà nó phải gánh vác: “Đường Hồ Chí Minh là một chiến trường chiến đấu tổng hợp cho cả tuyến chi viện, cho chiến trường cả ta và bạn Lào. Lực lượng trên tuyến có binh chủng hợp thành đủ mạnh để chiến đấu chống chiến tranh ngăn chặn của cả không quân và bộ binh địch mới thực hiện được vận tải, tổ chức hành quân; tránh giơ đầu chịu đòn, chịu hy sinh, tổn thất mà nhiệm vụ chính lại không thực hiện được”. Theo ông, Đoàn 559 phải thay đổi tư duy và cách hành động trên tất cả các mặt. Trước hết phải nhận rõ chiến trường Trường Sơn là một chiến trường chiến đấu tổng hợp, phải chiến đấu bằng tất cả các lực lượng, phải tổ chức binh chủng hợp thành. Phải đánh giá đúng địch ta. Địch làm chủ trên không chỉ là tương đối. Ta làm chủ tuyệt đối mặt đất. Tư tưởng chỉ đạo phải là chủ động tấn công kết hợp với chủ động phòng tránh; trong đó lấy tư tưởng tấn công là chủ đạo, kết hợp chặt chẽ chỉ đạo với chỉ huy. Khi có phương tiện thông tin đa phương thức và tổ chức lực lượng, thể trận hợp lý thì lấy chỉ huy trực tiếp là chính.

Tất cả các lực lượng trên tuyến, kể cả công nhân giao thông, thanh niên xung phong phải thực hiện chiến đấu hóa. Bộ đội vận tải đa phương thức: đường bộ, đường sông, đường ống dẫn xăng dầu phải được xây dựng thành một binh

chủng mạnh. Cán bộ, chiến sĩ vận tải ngoài yêu cầu phải rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, phải học hỏi cả về kỹ thuật, chiến thuật chiến đấu của quân đội. Bộ đội vận tải khi xuất quân phải đi theo đội hình thể đội, từ đại đội đến tiểu đoàn, trung đoàn và khi có điều kiện cho phép là đội hình sư đoàn; có chỉ huy trực tiếp, trong thể trận chiến đấu binh chủng hợp thành...

Binh chủng vận tải Trường Sơn vừa là lực lượng tại chỗ, vừa là lực lượng dự bị chiến lược của Bộ. Khi cần đã kịp thời tăng cường phối thuộc cho các chiến dịch lớn: Đường 9 Nam Lào (1971), Trị Thiên (1972), Buôn Ma Thuột, chiến dịch Hồ Chí Minh (1975). Trong nhiều trường hợp Binh chủng vận tải Trường Sơn đã trở thành binh chủng bộ binh cơ giới hóa tham gia các chiến dịch...<sup>[8]</sup>.

Với vai trò Tư lệnh Đoàn 559, Đồng Sĩ Nguyên đã rất sáng tạo vạch ra cả một hệ thống chiến thuật vận tải trong chiến đấu hợp đồng binh chủng. Ông chỉ ra rằng: Binh đoàn 559 lấy binh chủng xe vận tải làm chủ lực vì đơn vị phải thực hiện nhiệm vụ chủ yếu là chi viện. Nhưng để thắng được chiến tranh ngăn chặn khốc liệt của cả không quân và bộ binh địch nếu không có lực lượng chiến đấu và bảo đảm chiến đấu đủ mạnh, trong thể trận hợp đồng binh chủng, chỉ huy thống nhất, thì lực lượng vận tải dù mạnh đến mấy cũng rơi vào thế đơn thương độc mã, “giơ đầu chịu báng”, chịu ăn đòn, dẫn đến thương vong, tổn thất và không thực hiện được nhiệm vụ vận chuyển. Trong thể trận hợp đồng binh chủng chỉ huy thống nhất, binh chủng vận tải đa phương thức đã phát huy được chiến thuật của binh chủng mình; đã chuyển đổi được tư tưởng lấy phòng tránh là chính sang kết hợp nhuần nhuyễn giữa chủ động tiến công là chính với chủ động phòng tránh tích cực. Trên cơ sở nắm chắc hoạt động đánh phá của địch cả về không gian, thời gian; về điều kiện thời tiết, mạng cầu đường, khả năng bảo vệ của ta trên không và mặt đất... để quyết định tổ chức vận tải bình thường hoặc mở đợt đột kích xây dựng binh trạm với mô hình “hiệu quả, an toàn”, mở chiến dịch Tập đoàn binh trạm; chày lẩn sáng, lẩn chiều, vượt cung. Đặc biệt khi

đã có binh chủng hợp thành mạng đường: cầu kỳ, đa dạng, phá được thế độc đạo, có hệ thống đường kín, có ngụy trang; khi trời mưa, trần mây thấp; thuận lợi nhất là khi địch tạm ngừng đánh hẳn như sau khi Hiệp định Paris (1/1973) lập tức chuyển sang vận tải ban ngày, chạy đội hình lớn; chạy xuyên suốt đến thẳng chiến trường bỏ qua cung, trạm.

*Về chiến thuật xây dựng đường, cầu* cũng thể hiện rõ sự sáng tạo của Đồng Sĩ Nguyên: Khi còn là đường độc đạo thì ông chủ trương thực hiện chiến thuật chốt trọng điểm, phòng ngự trận địa, có công sự tốt để đảm bảo giao thông. Sau đó từng bước chuyển lên tiến công trong phòng ngự bằng cách mở đường vòng, đường tránh ngay tại trọng điểm.

*Về chiến thuật chiến đấu phòng không*, ông chủ trương lấy tiến công đánh tiêu diệt không quân địch, bảo vệ binh chủng vận tải, bảo vệ đường - cầu, kho xưởng, bệnh viện, nơi trú quân. Kết hợp chốt trận địa tại các trọng điểm với cơ động phục kích. Kết hợp hỏa lực của binh chủng chủ lực, kể cả tên lửa với hỏa lực tầm thấp của lực lượng tại chỗ, tạo thành lưới lửa nhiều tầng, nhiều vòng, nơi nào, lúc nào cũng đánh được máy bay địch. Ông vạch ra khẩu hiệu hành động làm tư tưởng chỉ đạo cho binh chủng phòng không là “Đánh địch mà đi, mở đường mà tiến”. Bộ đội phòng không cũng là một bộ phận dự bị chiến lược của Bộ để phối hợp tăng cường cho các chiến dịch lớn ở miền Nam.

*Về chiến thuật chiến đấu của Binh chủng Bộ binh Trường Sơn*: Lấy tư tưởng chủ động tiến công là chính, kết hợp chốt bảo vệ có trọng điểm tuyến hành lang. Trực tiếp phối hợp với quân dân Lào và các chiến trường của ta mở các chiến dịch phản công đánh bại các chiến dịch lấn chiếm, ngăn chặn của địch hòng vô hiệu hóa hoạt động của tuyến chi viện chiến lược. Bộ binh Trường Sơn cũng là lực lượng dự bị chiến lược của Bộ khi cần sẽ được điều động.

*Về chiến thuật của Binh chủng Thông tin*: Sử dụng đa phương thức, kết hợp vô tuyến sóng dài, sóng ngắn, dây trần, tải ba, trạm tiếp sức, dây bọc,... tạo thành mạng lưới vững chắc vừa đảm

bảo chỉ đạo, vừa đáp ứng chỉ huy trực tiếp. Với chiến thuật này đã tạo nên bước ngoặt mới chuyển từ chỉ đạo là chính sang chỉ huy trực tiếp là chính. Đây là một cải cách có hiệu quả lớn, đảm bảo chỉ huy binh chủng hợp thành cấp binh trạm, cấp quân khu trên chiến trường Trường Sơn.

*Về giao liên hành quân*: Nhiệm vụ chính là khẩn trương cải tạo đường hành quân bộ, đi được êm, thuận, đường qua đồi núi phải đi theo bình độ, có bậc rải sỏi, có tay vịn, qua suối phải có cầu làm bằng vật liệu tại chỗ. Qua địa hình bằng phẳng phải rải sỏi chống lầy, từng bước giảm mang vác. Kết hợp chở bộ đội bằng xe ô tô ở những cung chặng đường kín, để đảm bảo sức khỏe cho bộ đội. Trong hành quân, giảm thời gian đi bộ vào Nam Bộ từ 4 tháng xuống 1 tháng. Khi chuyển sang cơ động bằng cơ giới thì rút xuống còn 10 ngày rồi 5 ngày.

*Về tổ chức phát triển lực lượng*: Do thấy trước được yêu cầu tất yếu phải phát triển lực lượng ngang tầm để thay đổi tương quan và đáp ứng quy mô, tốc độ, thỏa mãn cơ sở vật chất, cơ động binh lực đầy đủ nhất, kịp thời nhất... tạo và tận dụng thời cơ tốt nhất góp phần rút ngắn thời gian giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Để đạt được quy mô binh chủng tập trung trong quá trình lãnh đạo Đoàn 559, ông đã có kế hoạch tổ chức xây dựng với một quá trình phát triển từng bước đi lên. Thời gian từ 1966 đến 1968, Đoàn 559 mới ở mức vừa có tiểu đoàn vừa có trung đoàn thì từ 1968 đến 1972 lên mức vừa có trung đoàn vừa có sư đoàn. Tổng số quân cao nhất trên tuyến là 10 vạn bộ đội, 1 vạn thanh niên xung phong, 1 vạn công nhân giao thông; trang bị đầy đủ 10 nghìn xe vận tải, đủ vũ khí bộ binh, pháo mặt đất, xe tăng và pháo phòng không, thiết bị làm đường. Từ năm 1973, được trang bị thiết bị làm đường hiện đại, đủ thuốc nổ, xe thiết giáp phóng từ để phá bom từ trường từ xa...

Nhìn lại tuyến đường Hồ Chí Minh trên bộ từ năm 1959, khi Trung ương và Hồ Chủ tịch quyết định mở đường Trường Sơn đến khi hoàn toàn giải phóng miền Nam - tháng 5 năm 1975, đường Trường Sơn cùng với các tuyến hậu cần mặt trận, hậu cần chiến dịch là cầu nối chiến lược để

chuyển tải sức mạnh tổng hợp của miền Bắc, cho miền Nam và 2 nước bạn trong cuộc đối đầu quyết liệt với đế quốc Mỹ và tay sai, giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Qua 16 năm hình thành và phát triển, đặc biệt là 10 năm dưới sự chỉ huy trực tiếp của Đồng Sĩ Nguyên, đường Hồ Chí Minh trên bộ hình thành và phát triển một cách mạnh mẽ. Từ những lối mòn len lỏi giữa đại ngàn Trường Sơn, hoạt động với phương châm “đi không dấu, nấu không khói” tổ chức chuyển tải vũ khí vào Nam, đưa đón cán bộ, bộ đội vào Nam ra Bắc, đã phát triển không ngừng thành hệ thống đường vận tải cơ giới, đường giao liên với hàng chục trục dọc, ngang được các chiến lược gia quân sự ví như “trận đồ bát quái xuyên rừng rậm”. Trong quá trình đó, đường Hồ Chí Minh phải đối đầu với biết bao mưu đồ, hành động phá hoại chặt cắt hết sức tinh vi, thâm độc của kẻ thù.

Chính những công lao to lớn trong việc xây dựng và lãnh đạo Binh đoàn Trường Sơn mà Đồng Sĩ Nguyên đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận qua việc phong quân hàm vượt cấp cho ông từ Đại tá lên Trung tướng.

Sau ngày thống nhất đất nước, năm 1976, ông được cử giữ chức Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, phụ trách Tổng cục Xây dựng kinh tế. Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, ông được bầu vào Ban chấp hành Trung ương. Tháng 2 năm 1977, Bộ Chính trị và Chính phủ đã điều ông sang làm Thứ trưởng thường trực Bộ Xây dựng và sau đó 9 tháng ông được Thủ tướng đề nghị và Quốc hội phê chuẩn lên làm Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Sau gần 4 năm làm xây dựng đến tháng 2 năm 1982, ông được Chính phủ điều động sang làm Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Từ năm 1982, ông lần lượt được bầu làm Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị (khóa V), Ủy viên Bộ Chính trị (khóa VI) và được Quốc hội cử giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng từ 1986 đến năm 1991. Năm 1992, ông hưởng chế độ nghỉ hưu nhưng vẫn được Thủ tướng tín nhiệm cử làm Đặc phái viên Chính phủ phụ trách Chương trình 327.

Quả thật khó có lời đánh giá nào đầy đủ và

chính xác hơn về ông bằng cố Đại tướng Võ Nguyên Giáp khi giới thiệu cuốn hồi ký của Đồng Sĩ Nguyên có tiêu đề “Với cả cuộc đời”: “*Đồng chí Đồng Sĩ Nguyên là vị tướng tài ba, một nhà lãnh đạo Đảng, Nhà nước có đức độ và tài năng, một người học trò ưu tú của Bác Hồ. Toàn bộ cuộc đời của đồng chí Đồng Sĩ Nguyên gắn liền với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, của quân đội.*

*Đồng chí đã có công lao lớn trong cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, cũng như trong công cuộc xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt đồng chí có công lớn đối với con đường chiến lược Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh.*

*Đồng chí là một cán bộ đảng viên mẫu mực có phẩm chất trong sáng, sống trung thực, khiêm tốn, giản dị. Đồng chí là người hoạt động thực tiễn sôi nổi, sâu sát, có hiệu quả, nói đi đôi với làm, có tư duy đổi mới, có tinh thần quyết đoán, dám chịu trách nhiệm... Đối với tôi, tướng Đồng Sĩ Nguyên là một trong những người đồng chí, người bạn chiến đấu thân thiết gắn gũi suốt cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc mà tôi rất tin và quý mến”<sup>[1]:41</sup> ■*

### **Chú thích:**

[1] Đồng Sĩ Nguyên, *Với cả cuộc đời*, Hồi ký Duy Tường thể hiện, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2007, tr.10.

[2] Đồng Sĩ Nguyên, *sđd*, tr.231-234.

[3] Đồng Sĩ Nguyên, *sđd*, tr.237.

[4] Đồng Sĩ Nguyên, *sđd*, tr.264.

[5] Đồng Sĩ Nguyên, *sđd*, tr.266.

[6] Đồng Sĩ Nguyên, *sđd*, tr.264-270.

### **Tài liệu tham khảo:**

(1) Đồng Sĩ Nguyên, *Với cả cuộc đời*, Hồi ký Duy Tường thể hiện, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2007.

(2) Tổng cục Hậu cần - Bộ Quốc phòng, *Lịch sử Bộ đội Trường Sơn đường Hồ Chí Minh*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994.

(3) Website: [Vi.wikipedia.org/wiki/Đồng\\_Sĩ\\_Nguyên](http://vi.wikipedia.org/wiki/Đồng_Sĩ_Nguyên), Bách khoa toàn thư mở.

Hồng Thanh Quang, *Trung tướng Đồng Sĩ Nguyên: Việc càng khó, càng muốn làm*, Nguồn: [http://www.Antgct.cand.com.vn/tháng\\_10\\_năm\\_2011](http://www.Antgct.cand.com.vn/tháng_10_năm_2011).